TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2019/DSST.
Ngày: 02-8-2019.
V/v: "Kiện tranh chấp HĐ vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ksơr Y Nai – Cán bộ hưu trí.

2. Ông Hoàng Tuyển – Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Văn Trỗi.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Ksơr Y Kơn.

Ngày 02/8/2019 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 148/2019/TLST-DS, ngày 22/4/2019, về việc "Kiện tranh chấp HĐ vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐST-DS ngày 24/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-DS ngày 15/7/2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Bà Tạ Thị L, sinh năm 1971 (có mặt) và ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1968 (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T là nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/02/2015 âm lịch bà T có cho bà Tạ Thị L và ông Nguyễn Văn Tr vay số tiền là 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng) lãi suất là 02%/tháng . Vợ chồng bà L ký giấy nợ và hẹn đến ngày 24/12/2015 âm lịch sẽ trả nợ cho bà T. Vợ chồng bà L có thế chấp cho bà T 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX 789694 cấp cho hộ

ông Nguyễn Văn Tr và bà Tạ Thị L. Vì bà Lan, ông Tr không trả nợ cho bà T, nên bà T yêu cầu Tòa án buộc ông Tr, bà L trả cho T số tiền nợ là 340.000.000 đồng và tính lãi suất 02%/tháng. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà L là bị đơn trình bày:

Bà L thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Ánh T 03 lần nhưng không nhớ cụ thể vào ngày tháng năm nào. Đến ngày 24/02/2015 âm lịch hai bên cộng nợ thì bà L, ông Tr còn nợ bà T số tiền là 340.000.000 đồng, bà L, ông Tr có ký vào giấy xác nhận nợ và hẹn đến ngày 24/12/2015 sẽ trả nợ cho bà T, bà L, ông Tr có thế chấp 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX 789694 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Tr và bà Tạ Thị L. Tuy nhiên, hiện nay gia đình bà L, ông Tr hoàn cảnh khó khăn nên không trả được cho bà T số tiền nợ, bà L xin dùng tài sản thế chấp để trả nợ cho bà T. Ngoài ra, bà L không có yêu cầu nào khác.

Quá trình điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ ông Nguyễn Văn Tr là bị đơn: Cố tình lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của ông Tr về yêu cầu khởi kiện của bà T.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện việc bà T khởi kiện yêu cầu bà L, ông Tr trả cho bà T 340.000.000 đồng tiền nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà L, ông Tr trả cho bà T 340.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Do bà L, ông Tr nợ bà T số tiền 340.000.000 đồng đến hẹn bà L, ông Tr không trả nợ, nên bà T đã khởi kiện tại Tòa án và Toà án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có bà L đến còn ông Nguyễn Văn Tr vẫn cố tình lẩn tránh, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh,

niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi ông Tr cư trú. Theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr.

[2]. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Tạ Thị L công nhận là có vay nhiều lần và nợ bà T với tổng số tiền là 340.000.000 đồng, bà L, ông Tr ký xác nhận nợ và hẹn trả nợ vào ngày 24/12/2015 (âm lịch) tức là ngày 02/02/2016 (dương lịch), nhưng do điều kiện hoàn cảnh khó khăn chưa có khả năng trả nợ theo yêu cầu của bà T. Khi vay tiền bà L có đưa cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà L đề nghị được dùng tài sản này khấu trừ nợ, nhưng bà T không chấp nhận và yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tuy ông Tr không hợp tác và cố tình lẩn tránh, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L (vợ ông Tr) thừa nhận có ký giấy xác nhận nợ bà T số tiền 340.000.000 đồng và bà T đã cung cấp giấy nợ có chữ ký bà L và ông Tr. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định bà L, ông Tr có nợ bà T số tiền 340.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho bà T. Như vậy, việc thiết lập hợp đồng vay tài sản giữa bà L, ông Tr và bà T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Việc bà L, ông Tr không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, bà T khởi kiện yêu cầu bà L, ông Tr phải trả số tiền 340.000.000 đồng và lãi suất là có căn cứ, cần chấp nhận. Vì vậy, cần buộc bà L, ông Tr có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 340.000.000 đồng.

Khi thực hiện giao dịch vay tài sản, bà L, ông Tr có thế chấp cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 789694 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 18/03/2015 cho hộ bà L, ông Tr. Tuy nhiên, hai bên không lập hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật, nên việc thế chấp này không có giá trị pháp lý. Vì vậy, cần buộc bà T trả lại giấy tờ nói trên cho bà L, ông Tr.

Về lãi suất: Do các đương sự không thỏa thuận được về lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 24/12/2015 âm lịch tức là ngày (ngày 02/02/2016 dương lịch) đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 02/8/2019) lãi suất được tính như sau:

Lãi suất quá hạn từ ngày 02/02/2016 đến ngày 02/8/2019 là 42 tháng, cụ thể: [(340.000.000 đồng x 10%) : 12] x 42 tháng = 118.986.000 đồng. Như vậy, tổng cộng gốc và lãi mà bà L, ông Tr phải trả cho bà T là: (340.000.000 đồng tiền nợ gốc + 118.986.000 đồng tiền nợ lãi) = 458.986.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, nên cần buộc bà L, ông Tr phải chịu toàn bộ tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T.

Buộc bà Tạ Thị L và ông Nguyễn Văn Tr trả cho bà Nguyễn Thị Ánh T 458.986.000 đồng (bốn trăm năm mươi tám triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc 340.000.000 đồng và 118.986.000 đồng tiền nợ lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bà T trả lại cho bà L, ông Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 789694 do Ủy ban nhân dân huyện Ea H'Leo cấp ngày 18/03/2015 cho hộ bà L, ông Tr.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Tạ Thị L và ông Nguyễn Văn Tr phải chịu 22.359.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho lại cho bà Nguyễn Thị Ánh T 4.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2017/0010932 ngày 18/4/2019.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Tr vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Nguyễn Huy Vũ